

Bản án số: 83/2023/DS-PT
Ngày: 18/4/2023
V/v: “Tranh chấp đòi tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Võ Kế Nghiệp

Các Thẩm phán: Ông Võ Minh Triều

Bà Trần Thị Trâm Anh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nàng - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Trịnh Văn Dương - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 161/2022/TLPT-DS ngày 12 tháng 10 năm 2021 về “Tranh chấp đòi tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 38/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 29/2023/QĐ-PT ngày 16 tháng 3 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Thái Hồng D, sinh năm 1981.

Địa chỉ: ấp 7 C, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang

Bị đơn: Ông Trần Văn T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: ấp 7 X, xã ĐH, huyện A, tỉnh Kiên Giang

Người kháng cáo: Bị đơn ông Trần Văn T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Thái Hồng D trình bày:

Vào năm 2013 giữa bà D và ông T ly hôn; về tài sản ông bà tự thỏa thuận phân chia tài sản. Theo thỏa thuận ông T có trách nhiệm giao cho bà 20 chỉ vàng 24k, loại vàng thường. Tuy nhiên đến nay ông T vẫn chưa giao cho bà số vàng. Bà D khởi kiện yêu cầu ông T trả cho bà số vàng là 20 chỉ vàng 24k, loại vàng thường.

Bị đơn ông Trần Văn T trình bày:

Ông thừa nhận là sau khi ly hôn ông có thỏa thuận giao trả cho bà D 20 chỉ vàng 24k. Sau đó ông đã giao trả bà D đủ số vàng 20 chỉ vàng 24k, khi trả vàng cho bà D không có làm giấy tờ và cũng không ai chứng kiến.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang đã quyết định:

Buộc ông Trần Văn T có trách nhiệm giao trả cho bà Thái Hồng D 20 chỉ vàng 24k, loại vàng thường.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên án phí và báo quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 24/6/2022 bị đơn ông Trần Văn T có đơn kháng cáo bản án sơ thẩm với nội dung:

Ông không chấp nhận trả thêm lần thứ hai số vàng 20 chỉ vàng cho bà Thái Hồng D.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn bà Thái Hồng D vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, bị đơn ông Trần Văn T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Các đương sự không tự hòa giải với nhau được, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tiếp tục giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến kết luận vụ án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử phúc thẩm và các đương sự từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang theo hướng xác định giá trị vàng 5.300.000 đ/chỉ và buộc bị đơn trả vàng với giá trị bằng tiền.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung: Nguyên đơn bà Thái Hồng D trình bày vào năm 2013 giữa bà và ông T ly hôn, về tài sản ông bà tự thỏa thuận phân chia tài sản. Theo thỏa thuận ông T có trách nhiệm giao cho bà 20 chỉ vàng 24k, loại vàng thường. Đến nay ông T vẫn chưa thực hiện việc giao trả vàng cho bà. Do đó bà khởi kiện yêu cầu ông T trả cho bà số vàng là 20 chỉ vàng 24k, loại vàng thường. Bị đơn ông Trần Văn T thừa nhận sau khi ly hôn giữa ông và bà D có thỏa thuận ông giao trả cho bà D 20 chỉ vàng 24k. Sau đó ông đã giao trả bà D đủ số vàng, khi trả vàng cho bà D không làm giấy tờ và cũng không ai chứng kiến, do đó ông không còn nợ vàng của bà D.

[2]. Xét nội dung kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận vào ngày 13/5/2013 hai bên có lập văn bản là Đơn thỏa thuận chia tài sản, trong đó có thể hiện nội dung ông T đồng ý giao trả cho bà D 02 cây vàng 24k. Việc thỏa thuận chia tài sản trong đó ông T có nghĩa vụ trả cho bà D 20 chỉ vàng 24k được hai bên đương sự thừa nhận tại Tòa án cấp sơ thẩm và phúc thẩm nên là chứng cứ không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2, Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tuy nhiên bà D cho rằng đến nay ông T chưa trả cho bà số vàng trên nên bà khởi kiện yêu cầu ông T trả cho bà 20 chỉ vàng

24k. Ông Thịnh cho rằng sau khi hai bên lập Đơn thỏa thuận chia tài sản ngày 13/5/2013 thì ông đã trả đủ số vàng cho bà D nên ông không đồng ý trả thêm.

Theo hồ sơ vụ án thể hiện, lời khai của ông T về thời gian trả vàng cho bà D có sự mâu thuẫn, không thống nhất, cụ thể tại đơn trình bày của ông T ngày 22/6/2022 (BL 55) ông T cho rằng sau khi thỏa thuận chia tài sản xong (thỏa thuận ngày 13/5/2013) thì vài ngày sau ông về mượn tiền của cha ông trả cho bà D 01 lần đủ 20 chỉ vàng 24k; tuy nhiên tại Biên bản lấy lời khai của ông T ngày 06/5/2022 (BL 31) ông T cho rằng ông đã trả vàng cho bà D 20 chỉ vàng 24k vào ngày 18/3/2013, tại thời điểm này hai bên chưa có đơn thỏa thuận chia tài sản. Xét lời trình bày của ông T, ông cho rằng đã trả đủ vàng cho bà D nhưng không được bà D thừa nhận nên ông phải có nghĩa vụ chứng minh theo quy định tại khoản 1, Điều 6; khoản 5, Điều 70 Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng ông không cung cấp được chứng cứ chứng minh, do đó chưa đủ cơ sở xác định ông T đã thực hiện nghĩa vụ giao trả vàng cho bà D như lời trình bày của ông. Tòa án cấp sơ thẩm buộc ông phải trả cho bà D 20 chỉ vàng 24k là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Tại cấp phúc thẩm, bà D yêu cầu ông T trả bà 20 chỉ vàng 24k với giá trị bằng tiền, ông T thống nhất nếu buộc ông phải trả vàng, ông đồng ý trả với giá trị bằng tiền và các đương sự đều thống nhất giá trị vàng là 5.300.000 đồng/chỉ, đây là tình tiết mới phát sinh tại phiên tòa phúc thẩm, cấp phúc thẩm xét thấy cần ghi nhận sự thống nhất của các đương sự về việc trả vàng quy ra giá trị bằng tiền và giá trị vàng quy ra tiền là 5.300.000 đồng/chỉ.

Từ những nhận định trên, sau khi thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa, không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn T. sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A.

[3]. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông T phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của bà D được chấp nhận là 20 chỉ vàng 24k x 5.300.000 đồng/chỉ x 5% = 5.300.000 đồng.

Nguyên đơn bà D không phải chịu án phí, được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng theo biên lai thu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông T không phải chịu, hoàn trả cho ông T 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng các Điều 279, 356 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn ông Trần Văn T.

- Sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 38/2022/DS-ST ngày 13 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Thái Hồng D.

2. Buộc bị đơn ông Trần Văn T trả cho bà Thái Hồng D 20 chỉ vàng 24k, loại vàng thường; giá trị mỗi chỉ vàng là 5.300.000 đồng, được quy ra giá trị bằng tiền với tổng số tiền ông T phải trả cho bà D là 106.000.000 đồng (một trăm lẻ sáu triệu đồng).

Kể từ ngày bà Thái Hồng D có đơn yêu cầu thi hành án mà ông Trần Văn T không trả hoặc trả không đủ số tiền cho bà D thì ông T còn phải trả thêm số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 trên số tiền còn phải trả cho bà D.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn ông Trần Văn T phải chịu án phí đối với yêu cầu khởi kiện của bà Thái Hồng D được chấp nhận là 20 chỉ vàng 24k x 5.300.000 đồng/chỉ x 5% = 5.300.000 đồng (năm triệu ba trăm ngàn đồng).

Nguyên đơn bà Thái Hồng D không phải chịu án phí, được nhận lại tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số 0005300 ngày 16/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn T không phải chịu, hoàn trả cho ông T 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0005478 ngày 30/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

*** Nơi nhận:**

- VKSND tỉnh KG.
- TAND huyện A;
- THADS huyện A;
- Các đương sự (02b);
- Lưu (TDS).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Võ Kế Nghiệp